

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-ST
Ngày: 26-9-2018
V/v tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành.
2. Ông Huỳnh Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm: 1939;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lưu Thị T, sinh năm: 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Theo giấy ủy quyền ngày 25/6/2018).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1946 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị B ủy quyền cho chị Lưu Thị T trình bày: Bà B với bà Huỳnh Thị N và bà Tạ Thị V (bà V có tên gọi khác là R) có quan hệ chị em với nhau. Vào năm 1992 bà B có vay của bà Tạ Thị V 03 chỉ vàng 24kara. Đến năm 1994, do thường xuyên đi ghe không ở

nhà nên bà B có gửi cho bà N 03 chỉ vàng 24kara và nhờ bà N trả cho bà V. Một tháng sau bà B có hỏi bà N đã trả cho bà V chưa thì bà N trả lời do đang kẹt tiền nên mượn lại nhưng không nói thời gian nào sẽ trả cho bà V. Thời gian quá lâu bà B cứ nghĩ bà N đã gửi trả cho bà V xong rồi nên cũng không hỏi bà N nữa. Đến năm 2015 bà V điện thoại yêu cầu bà B trả lại cho bà V 03 chỉ vàng 24kara thì bà B có qua hỏi bà N mới biết bà N không có trả cho bà V. Bà B nhiều lần yêu cầu bà N phải trả lại 03 chỉ vàng 24kara nhưng bà N không trả, bà B có khiếu nại ra ban áp và UBND xã T giải quyết thì bà N cũng thừa nhận có nhận của bà B 03 chỉ vàng 24kara nhưng bà N không trả cho bà V như bà B đã nhờ mà bà N nói đã trả cho bà Phạm Thị H (Tám H). Nhưng từ trước đến nay giữa bà B và bà H không có quan hệ vay mượn gì. Nay bà B yêu cầu bà N phải trả lại cho bà B 03 chỉ vàng 24kara, còn việc bà N nói đưa cho bà H 03 chỉ vàng 24kara thì giữa bà N và bà H tự giải quyết với nhau.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà N thừa nhận bà có nhận 03 chỉ vàng 24kara của bà B đưa cho bà và bà B nhờ bà trả cho bà Tám H do bà B đang nợ của bà Tám H nên bà đã trả số vàng này cho bà H, việc trả vàng đã xảy ra cách nay 27, 28 năm. Bà N xác định không có việc bà B nhờ bà trả 03 chỉ vàng 24kara cho bà V. Việc bà N đưa vàng cho bà H chỉ nói miệng chứ không có giấy tờ gì chứng minh, việc bà H khai bà H không có nhận 03 chỉ vàng 24kara do bà N đưa cho bà H là hoàn toàn không đúng. Nhưng trong vụ án này bà N không có yêu cầu gì đối với bà H. Nay bà N không đồng ý trả lại 03 chỉ vàng 24kara cho bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2018 như sau: Bà H với bà B và bà N là hàng xóm với nhau. Từ năm 1990 đến nay bà H không có quan hệ vay mượn gì với bà B, bà N cũng như con của bà N, việc bà N nói có trả cho bà H 03 chỉ vàng 24kara là hoàn toàn không đúng. Do đó việc bà B đưa vàng cho bà N thì bà B và bà N tự giải quyết với nhau.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N và bà H nhưng bà N và bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N và bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà N thừa nhận có nhận của bà B 03 chỉ vàng 24kara do bà B nhờ trả cho bà H chứ không phải trả cho bà V và bà N nêu đã trả cho bà H nhưng bà H không thừa nhận và bà H khai rằng bà H không có bất cứ quan hệ vay mượn gì với bà B cũng như bà N. Bà N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả vàng cho bà H và trong vụ án này bà N cũng không có yêu cầu gì đối với bà H. Việc bà B yêu cầu bà N trả cho bà B 03 chỉ vàng 24kara

là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 116, 118, 166 Bộ luật dân sự năm 2015 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà H và bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà N và bà H.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị B khởi kiện bà Huỳnh Thị N là vụ kiện “Tranh chấp đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa bà Lưu Thị T đại diện cho bà Lê Thị B yêu cầu bà Huỳnh Thị N phải trả cho bà B 03 chỉ vàng 24kara, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà N cũng thừa nhận có nhận của bà B 03 chỉ vàng 24kara và bà N đã trả cho bà H do bà B nhờ bà trả cho bà H nhưng bà T đại diện cho bà B trình bày cho rằng bà B không nhờ bà N trả cho bà H mà chỉ nhờ bà N trả cho bà V vì bà B có nợ bà V chứ không có quan hệ vay mượn gì với bà H. Đồng thời, bà H cũng trình bày bà H không có quan hệ vay mượn gì với bà B và bà N và bà H cũng không có nhận 03 chỉ vàng 24kara từ phía bà N. Như vậy, việc bà N thừa nhận có nhận của bà B 03 chỉ vàng 24kara, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật TTDS thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh nên bà B yêu cầu bà N phải trả cho bà B 03 chỉ vàng 24kara là có căn cứ và phù hợp với đề nghị của kiểm sát viên. Do đó, cần buộc bà N phải trả cho bà B 03 chỉ vàng 24kara. Trong vụ án này phía bà N không có yêu cầu gì đối với bà H nên không xét. Nhưng nếu sau này bà N có chứng cứ chứng minh bà N có đưa 03 chỉ vàng 24kara cho bà H thì bà N có quyền khởi kiện bà H bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà N thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cần xem xét miễn án phí cho bà N.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 116, 118, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B khởi kiện bà Huỳnh Thị N về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

2. Buộc bà Huỳnh Thị N phải trả cho bà Lê Thị B 03 (ba) chỉ vàng 24 kara.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền, thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út